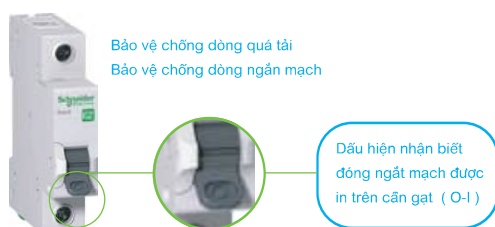


CẦU DAO TỰ ĐỘNG EASY9 - MCB

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi
các tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.

Cầu dao tự động Easy9 bao gồm các
chức năng:



Cách lựa chọn MCB:

Thiết bị	Công suất tiêu thụ	Dòng điện MCB (A)	Đường cong
	4.7 HP	16	"C"
	7.1 HP	20	
	9.5 HP	20	
	14 HP	25	
	165 liters	2	
	285 liters	2	
	200 W	1	"C"
	50 W	0.5	
	300 W	2	"C"
	1.3 KW	10	
	1.5 KW	10	"C"
	500 W	3	



Easy9 MCB 1P, 4.5kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9F34106	104.500
10A	EZ9F34110	104.500
16A	EZ9F34116	104.500
20A	EZ9F34120	104.500
25A	EZ9F34125	104.500
32A	EZ9F34132	104.500
40A	EZ9F34140	150.700
50A	EZ9F34150	245.300
63A	EZ9F34163	245.300

Easy9 MCB 2P, 4.5kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9F34206	294.800
10A	EZ9F34210	294.800
16A	EZ9F34216	294.800
20A	EZ9F34220	294.800
25A	EZ9F34225	294.800
32A	EZ9F34232	294.800
40A	EZ9F34240	294.800
50A	EZ9F34250	489.500
63A	EZ9F34263	489.500

Easy9 MCB 3P, 4.5kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9F34306	524.700
10A	EZ9F34310	524.700
16A	EZ9F34316	524.700
20A	EZ9F34320	524.700
25A	EZ9F34325	524.700
32A	EZ9F34332	524.700
40A	EZ9F34340	524.700
50A	EZ9F34350	783.200
63A	EZ9F34363	783.200

Easy9 MCB 4P, 4.5kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
40A	EZ9F34440	742.500
50A	EZ9F34450	1.106.600
63A	EZ9F34463	1.106.600

EASY9 RCCB. RCBO. SPD

Easy9 RCCB 2P/4P [AC type]

Cầu dao chống rò



Dòng điện 30mA 2P	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
25A	EZ9R36225	1.020.800
40A	EZ9R36240	1.084.600
63A	EZ9R36263	1.137.400
30mA 4P		
25A	EZ9R36425	1.499.300
40A	EZ9R36440	1.603.800
63A	EZ9R36463	2.140.600
300mA 4P		
40A	EZ9R66440	1.545.500
63A	EZ9R66463	1.766.600

Easy9 RCBO 1P+N 4.5kA 30mA [AC type]

Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
10A	EZ9D34610	841.500
16A	EZ9D34616	841.500
20A	EZ9D34620	841.500
25A	EZ9D34625	984.500
32A	EZ9D34632	984.500
40A	EZ9D34640	984.500

Easy9 Slim RCBO 1P+N 4.5kA 30mA [AC type]

Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9D33606	858.000
10A	EZ9D33610	858.000
16A	EZ9D33616	858.000
20A	EZ9D33620	858.000
25A	EZ9D33625	1.006.500
32A	EZ9D33632	1.006.500

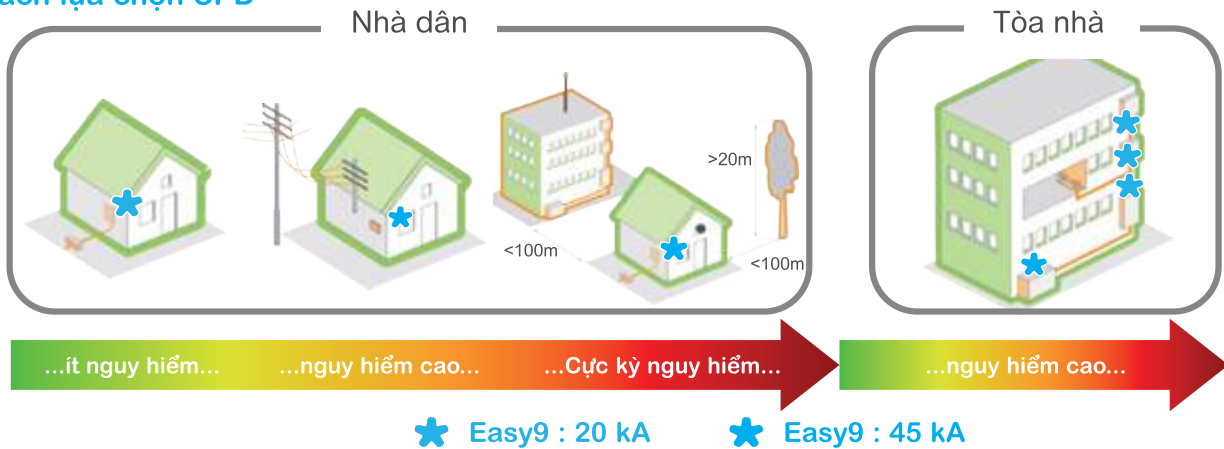
Easy9 SPD Chống sét lan truyền - Loại 2



Dòng điện	I _{max} (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1P+N	20kA	EZ9L33620	1.293.600
3P+N	20kA	EZ9L33720	2.224.200
3P+N	45kA	EZ9L33745	2.304.500

Giá trên đã bao gồm VAT

Cách lựa chọn SPD

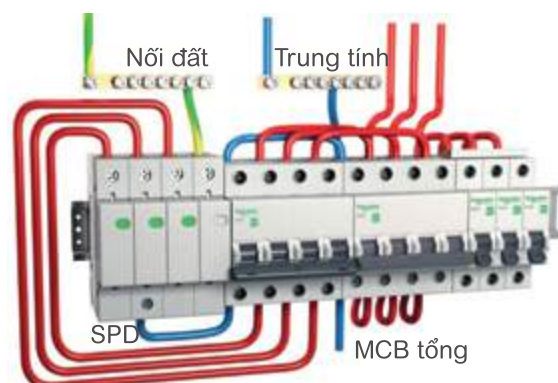


Cách lắp đặt SPD

Mạng điện 1 pha



Mạng điện 3 pha



*Dây tiếp địa có tiết diện dây nhỏ nhất 4mm².

Khi khoảng cách từ SPD đến thiết bị bảo vệ >10m nên lắp đặt thêm 1 SPD

Giá trên đã bao gồm VAT

Bảng giá dành cho Đại lý — 29

EASY9
RCBO, SPD

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 MCB IK60N & IC60N

Acti9 Đẳng cấp, tính năng vượt trội



Tính năng **VisiTrip** với cửa sổ màu đỏ báo hiệu đóng ngắt do sự cố.

Tính năng **VisiSafe** với dây màu xanh báo hiệu các tiếp điểm đã mở hoàn toàn



iK60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K27106	198.000
10A	A9K27110	198.000
16A	A9K27116	198.000
20A	A9K27120	198.000
25A	A9K27125	198.000
32A	A9K27132	198.000
40A	A9K24140	244.200
50A	A9K24150	297.000
63A	A9K24163	297.000

iK60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K27206	557.700
10A	A9K27210	557.700
16A	A9K27216	557.700
20A	A9K27220	557.700
25A	A9K27225	557.700
32A	A9K27232	557.700
40A	A9K24240	667.700
50A	A9K24250	935.000
63A	A9K24263	935.000

iK60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K24306	884.400
10A	A9K24310	884.400
16A	A9K24316	884.400
20A	A9K24320	884.400
25A	A9K24325	884.400
32A	A9K24332	884.400
40A	A9K24340	1.003.200
50A	A9K24350	1.280.400
63A	A9K24363	1.280.400

iK60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K24406	1.371.700
10A	A9K24410	1.371.700
16A	A9K24416	1.371.700
20A	A9K24420	1.371.700
25A	A9K24425	1.371.700
32A	A9K24432	1.371.700
40A	A9K24440	1.904.100
50A	A9K24450	1.904.100
63A	A9K24463	1.904.100

iC60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74106	233.200
10A	A9F74110	233.200
16A	A9F74116	233.200
20A	A9F74120	233.200
25A	A9F74125	233.200
32A	A9F74132	278.300
40A	A9F74140	278.300
50A	A9F74150	391.600
63A	A9F74163	391.600

iC60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74206	634.700
10A	A9F74210	634.700
16A	A9F74216	634.700
20A	A9F74220	634.700
25A	A9F74225	634.700
32A	A9F74232	674.300
40A	A9F74240	765.600
50A	A9F74250	1.127.500
63A	A9F74263	1.127.500

iC60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74306	963.600
10A	A9F74310	963.600
16A	A9F74316	963.600
20A	A9F74320	963.600
25A	A9F74325	963.600
32A	A9F74332	963.600
40A	A9F74340	1.127.500
50A	A9F74350	1.586.200
63A	A9F74363	1.586.200

iC60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74406	1.450.900
10A	A9F74410	1.450.900
16A	A9F74416	1.450.900
20A	A9F74420	1.450.900
25A	A9F74425	1.450.900
32A	A9F74432	1.637.900
40A	A9F74440	1.846.900
50A	A9F74450	2.453.000
63A	A9F74463	2.453.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 - MCB iC60H & iC60L

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn		IEC 947-2				IEC 898	
MCB	1P	100 to 133V	220 to 240V	-	-	230V	
	2,3,4P	220 to 240V	380 to 415V	440V	-	400V	
		iC60H iC60L	iC60H iC60L	iC60H iC60L	iC60H iC60L	iC60H	iC60L
	Dòng điện	0.5 to 4A	70kA 100kA	70kA 100kA	50kA 70kA	10kA	15kA
		6 to 25A	30kA -	15kA 25kA	10kA 20kA	10kA	15kA
		32/40A	30kA -	15kA 20kA	10kA 15kA	10kA	15kA
		50/63A	-	15kA 15kA	10kA 10kA	10kA	15kA

iC60H, 1P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84106	427.900
10A	A9F84110	427.900
16A	A9F84116	427.900
20A	A9F84120	427.900
25A	A9F84125	427.900
32A	A9F84132	427.900
40A	A9F84140	525.800
50A	A9F84150	705.100
63A	A9F84163	705.100

iC60L, 1P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94106	653.400
10A	A9F94110	653.400
16A	A9F94116	653.400
20A	A9F94120	653.400
25A	A9F94125	653.400
32A	A9F94132	688.600
40A	A9F94140	805.200
50A	A9F94150	1.131.900
63A	A9F94163	1.131.900

iC60H, 2P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84206	1.432.200
10A	A9F84210	1.432.200
16A	A9F84216	1.432.200
20A	A9F84220	1.432.200
25A	A9F84225	1.623.600
32A	A9F84232	1.623.600
40A	A9F84240	1.790.800
50A	A9F84250	2.425.500
63A	A9F84263	2.425.500

iC60L, 2P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94206	1.773.200
10A	A9F94210	1.773.200
16A	A9F94216	1.773.200
20A	A9F94220	1.773.200
25A	A9F94225	1.773.200
32A	A9F94232	1.895.300
40A	A9F94240	2.070.200
50A	A9F94250	2.554.200
63A	A9F94263	2.554.200

iC60H, 3P, 10kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84306	2.224.200
10A	A9F84310	2.224.200
16A	A9F84316	2.224.200
20A	A9F84320	2.224.200
25A	A9F84325	2.437.600
32A	A9F84332	2.437.600
40A	A9F84340	2.714.800
50A	A9F84350	3.719.100
63A	A9F84363	3.719.100

iC60L, 3P, 15kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94306	2.326.500
10A	A9F94310	2.326.500
16A	A9F94316	2.326.500
20A	A9F94320	2.326.500
25A	A9F94325	2.565.200
32A	A9F94332	2.565.200
40A	A9F94340	2.921.600
50A	A9F94350	3.947.900
63A	A9F94363	3.947.900

iC60H, 4P, 10kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84406	3.078.900
10A	A9F84410	3.078.900
16A	A9F84416	3.078.900
20A	A9F84420	3.078.900
25A	A9F84425	3.356.100
32A	A9F84432	3.356.100
40A	A9F84440	4.054.600
50A	A9F84450	4.955.500
63A	A9F84463	4.955.500

iC60L, 4P, 15kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94406	3.347.300
10A	A9F94410	3.347.300
16A	A9F94416	3.347.300
20A	A9F94420	3.347.300
25A	A9F94425	3.347.300
32A	A9F94432	3.773.000
40A	A9F94440	4.070.000
50A	A9F94450	5.241.500
63A	A9F94463	5.241.500

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 - MCB C120N & C120H

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn	Loại	Điện áp (VAC)	C120N Icu(kA)	C120H Icu(kA)
As IEC898	1P	230/240	10	15
	2,3,4P	400/415	10	15
As IEC947-2	1P	220/240	10	15
	2,3,4P	220/240	20	30
		380/415	10	15

C120N, 1P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18357	1.449.800
100A	A9N18358	1.565.300
125A	A9N18359	1.657.700

C120H, 1P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18446	1.565.300
100A	A9N18447	1.675.300
125A	A9N18448	1.790.800

C120N, 2P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18361	3.038.200
100A	A9N18362	3.280.200
125A	A9N18363	3.517.800

C120H, 2P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18457	3.194.400
100A	A9N18458	3.430.900
125A	A9N18459	3.690.500

C120N, 3P, 10kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18365	4.568.300
100A	A9N18367	4.793.800
125A	A9N18369	4.926.900

C120H, 3P, 15kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18468	4.937.900
100A	A9N18469	5.181.000
125A	A9N18470	5.266.800

C120N, 4P, 10kA, 400V, C curve



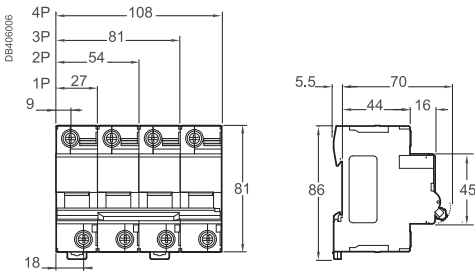
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18372	5.746.400
100A	A9N18374	5.920.200
125A	A9N18376	6.289.800

C120H, 4P, 15kA, 400V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18479	6.213.900
100A	A9N18480	6.398.700
125A	A9N18481	6.798.000

Kích thước (mm)



ACTI9 - RCCB, RCBO, SPD,
THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN ACTI9

iIDK 2P



iID 4P



RCBO 1P+N



Acti9 - RCCB
Cầu dao chống dòng rò

Acti9 - RCBO
Cầu dao bảo vệ quá tải,
ngắn mạch và chống dòng rò

iPRD1 - 1P+N



iPRD - 1P



iPF K - 1P+N



Thiết bị chống sét lan truyền (SPD)

ACTI9
RCCB, RCBO, SPD

iID K - 30mA, 240-415 V, AC Type



Số cực	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2P	25A	A9R50225	1.519.100
2P	40A	A9R50240	1.598.300
4P	25A	A9R50425	2.459.600
4P	40A	A9R50440	2.594.900
4P	63A	A9R70463	4.396.700

iID - 30mA, 240-415V, AC Type



Số cực	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2P	25A	A9R71225	1.830.400
2P	40A	A9R71240	1.926.100
2P	63A	A9R71263	3.292.300
2P	100A	A9R11291	5.421.900
4P	40A	A9R71440	3.099.800
4P	63A	A9R71463	5.269.000

iID - 300mA, 240-415V, AC Type



Số cực	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2P	25A	A9R74225	2.022.900
2P	40A	A9R74240	2.215.400
2P	63A	A9R74263	2.306.700
4P	40A	A9R74440	3.031.600
4P	63A	A9R74463	3.688.300
4P	100A	A9R14491	6.078.600

RCBO - 1P+N, 6kA, 30mA



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9D31606	2.420.000
10A	A9D31610	2.420.000
16A	A9D31616	2.420.000
20A	A9D31620	2.420.000
25A	A9D31625	2.652.100
32A	A9D31632	2.652.100
40A	A9D31640	2.652.100

SPD Acti9 - iPRD1, loại 1 + 2, Draw-out

iPRD loại 2, 1P/1P+N, 230V, Draw-out

1P	12.5 (L-N)/50 (N-PE)	A9L16182	4.527.600
1P+N	12.5 (L-N)/50 (N-PE)	A9L16282	8.934.200
3P	12.5	A9L16382	12.549.900
3P+N	12.5 (L-N)/50 (N-PE)	A9L16482	16.159.000

SPD Acti9 - iPRD, loại 2, Draw-out

Số cực	I _{max} (kA) (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
iPRD loại 2, 1P/1P+N, 230V, Draw-out			
1P	20kA	A9L20100	2.581.700
1P	40kA	A9L40100	2.748.900
1P	65kA	A9L65101	3.379.200
1P+N	8kA	A9L08500	3.610.200
1P+N	20kA	A9L20500	4.296.600
1P+N	40kA	A9L40500	4.596.900
1P+N	65kA	A9L65501	6.000.500

iPRD loại 2, 3P+N, 400V, Draw-out

3P+N	20kA	A9L20600	8.582.200
3P+N	40kA	A9L40600	9.870.300
3P+N	65kA	A9L65601	11.931.700

SPD Acti9 - iPF K, loại 2, Fixed

Số cực	I _{max} (kA) (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
--------	-----------------------------------	---------	---------------

iPF K loại 2, 1P, 230V, Fixed

1P	20kA	A9L15691	2.368.300
1P	40kA	A9L15686	2.524.500

iPF K loại 2, 1P+N, 230V, Fixed

1P+N	20kA	A9L15692	3.939.100
1P+N	40kA	A9L15687	4.210.800

iPF K loại 2, 3P+N, 400V, Fixed

3P+N	20kA	A9L15693	7.953.000
3P+N	40kA	A9L15688	9.540.300
3P+N	65kA	A9L15586	9.639.300